

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN LUYỆN KIM MÀU**  
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013

**KRESTON ACA**

Member of **Kreston** International

A worldwide network of independent accountants

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 25

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ Phần Khoáng sản Luyện kim màu (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty điều hành Công ty tại ngày 31/12/2013 gồm:

##### Hội đồng Quản trị

Ông Vũ Minh Thành	Chủ tịch
Ông Hoàng Văn Chung	Ủy viên
Ông Đào Đình Kiên	Ủy viên
Ông Nguyễn Công Khanh	Ủy viên
Ông Bùi Đỗ Phương	Ủy viên

##### Ban Giám đốc

Ông Hoàng Văn Chung	Tổng Giám đốc
Ông Đào Đình Kiên	Phó Tổng Giám đốc

#### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Hoàng Văn Chung  
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 03 năm 2014

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Kính gửi: Các cổ đông và Hội đồng Quản trị  
Công ty Cổ Phần Khoáng sản Luyện kim màu

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ Phần Khoáng sản Luyện kim màu (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28/03/2014, từ trang 04 đến trang 25, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Tại thuyết minh số V.6 – Các khoản đầu tư tài chính dài hạn của Bản thuyết minh báo cáo tài chính, khoản đầu tư của Công ty vào Công ty CP Công nghiệp khoáng sản Việt Đô – Hamico với giá trị là 2.500.000.000 đồng và khoản đầu tư góp vốn liên doanh với Công ty CP Phát triển Việt Đô và Công ty CP Khoáng sản Phi Kim với tổng giá trị là 28.300.000.000 đồng trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2013. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về giá trị ghi sổ của khoản đầu tư này tại ngày 31/12/2013 vì chúng tôi không được tiếp cận với thông tin tài chính và báo cáo tài chính, Ban Giám đốc và kiểm toán viên của công ty được đầu tư. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

### Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này tại ngày 30/03/2013.



Trần Văn Thức  
Tổng Giám đốc  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0554-2013-089-1

Trần Đức Cường  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1595-2013-089-1

Thay mặt và đại diện cho  
Công ty TNHH Kiểm toán Kreston ACA Việt Nam  
Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2014

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

**MẪU SỐ B 01-DN**  
 Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>8.231.845.130</b>	<b>19.104.239.351</b>
110	Tiền và các khoản tương đương tiền		69.307.105	51.324.739
111	Tiền	V.1	69.307.105	51.324.739
120	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		2.564.000.000	9.997.000.000
121	Đầu tư ngắn hạn	V.2	2.564.000.000	9.997.000.000
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		3.183.724.388	7.722.505.028
131	Phải thu khách hàng		3.127.221.055	5.175.697.778
132	Trả trước cho người bán		-	250.000.000
135	Các khoản phải thu khác	V.3	56.503.333	2.296.807.250
140	Hàng tồn kho		2.414.813.637	1.326.533.509
141	Hàng tồn kho	V.4	2.414.813.637	1.326.533.509
150	Tài sản ngắn hạn khác		-	6.876.075
152	Thuế GTGT được khấu trừ		-	6.876.075
200	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>158.309.546.114</b>	<b>158.664.018.400</b>
220	Tài sản cố định		37.922.427.674	38.552.421.667
221	Tài sản cố định hữu hình	V.5	37.922.427.674	38.543.255.000
222	Nguyên giá		42.139.729.878	40.291.683.526
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(4.217.302.204)	(1.748.428.526)
227	Tài sản cố định vô hình		-	9.166.667
228	Nguyên giá		-	10.000.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		-	(833.333)
250	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	V.6	120.122.517.746	120.070.775.037
251	Đầu tư vào công ty con		89.322.517.746	89.322.517.746
252	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		30.800.000.000	30.800.000.000
259	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		-	(51.742.709)
260	Tài sản dài hạn khác		264.600.694	40.821.696
261	Chi phí trả trước dài hạn	V.7	264.600.694	40.821.696
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>166.541.391.244</b>	<b>177.768.257.751</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 01-DN  
Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>7.840.491.612</b>	<b>19.144.953.302</b>
310	<b>Nợ ngắn hạn</b>		<b>7.840.491.612</b>	<b>19.144.953.302</b>
312	Phải trả người bán		4.081.288.000	14.343.967.800
313	Người mua trả tiền trước		-	674.589.750
314	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.8	3.695.053.112	3.810.113.975
315	Phải trả người lao động		64.150.500	20.751.500
319	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		-	295.530.277
400	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>158.700.899.632</b>	<b>158.623.304.449</b>
410	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>V.9</b>	<b>158.700.899.632</b>	<b>158.623.304.449</b>
411	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		156.880.000.000	156.880.000.000
420	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.820.899.632	1.743.304.449
430	Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>166.541.391.244</b>	<b>177.768.257.751</b>



Hoàng Văn Chung  
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 03 năm 2014

Tạ Mỹ Dung  
Kế toán trưởng

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**MẪU SỐ B 02-DN**  
 Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	5.195.577.832	35.844.077.816
02	Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)		5.195.577.832	35.844.077.816
11	Giá vốn hàng bán	VI.2	3.253.584.430	25.172.394.772
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)		1.941.993.402	10.671.683.044
21	Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	454.228.410	2.277.635.824
22	Chi phí tài chính	VI.4	(51.742.709)	51.742.709
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	51.742.709
24	Chi phí bán hàng		-	-
25	Chi phí quản lý doanh nghiệp		446.170.469	522.675.512
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + {21 - 22} - {24 + 25})		2.001.794.052	12.374.900.647
31	Thu nhập khác		-	-
32	Chi phí khác		1.423.750.356	1.239.865.740
40	Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	VI.5	(1.423.750.356)	(1.239.865.740)
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)		578.043.696	11.135.034.907
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	VI.6	500.448.513	3.093.725.162
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)		77.595.183	8.041.309.745
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.7	4,95	683,15



Hoàng Văn Chung  
 Tổng Giám đốc

Tạ Mỹ Dung  
 Kế toán trưởng

Ngày 28 tháng 03 năm 2014



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
 (Theo phương pháp trực tiếp)  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**MẪU SỐ B 03-DN**  
 Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Năm nay	Năm trước
	<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>		
01	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	7.244.054.555	34.836.737.570
02	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	(13.516.264.230)	(36.325.064.598)
03	Tiền chi trả cho người lao động	(339.130.405)	(260.253.460)
05	Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	(700.000.402)	-
06	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	973.390.521	21.097.000.000
07	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	-	(1.347.423.910)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>(6.337.949.961)</b>	<b>18.000.995.602</b>
	<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>		
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(2.200.000.000)	(10.325.000.000)
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(554.000.000)	(12.597.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	7.987.000.000	35.900.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	(44.994.463.231)
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	1.122.932.327	1.552.428.574
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>6.355.932.327</b>	<b>(30.464.034.657)</b>
	<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>		
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	-	21.406.000.000
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	-	(9.412.800.000)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>-</b>	<b>11.993.200.000</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>17.982.366</b>	<b>(469.839.055)</b>
60	<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>51.324.739</b>	<b>521.163.794</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	-	-
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>69.307.105</b>	<b>51.324.739</b>



Hoàng Văn Chung  
 Tổng Giám đốc

Tạ Mỹ Dung  
 Kế toán trưởng

Ngày 28 tháng 03 năm 2014

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Mẫu số B 09 - DN**

**I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

Công ty Cổ phần Khoáng sản Luyện kim màu ("Công ty") là Công ty Cổ phần, được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0700.382.548 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp lần đầu ngày 03/8/2009 với tên Công ty là Công ty Cổ phần Nhựa Hamico.

Ngày 09/3/2012, Công ty được đổi tên thành Công ty Cổ phần Khoáng sản Đại Hoàng HAMICO theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 2 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp.

Ngày 23/4/2012, Công ty được đổi tên thành Công ty Cổ phần Khoáng sản Luyện kim màu theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 3 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp.

Tổng vốn Điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ngày 23/4/2012 là 156.880.000.000 đồng.

Hoạt động chính của Công ty là: Khai thác quặng sắt; Sản xuất sản phẩm từ plastic; Vận tải; Đại lý, môi giới, đấu giá; Bán buôn vật liệu, thiết bị xây dựng, kim loại, quặng kim loại, nhiên liệu rắn, lỏng, khí, máy móc; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ, bốc xếp hàng hóa; Sản xuất xi măng, vôi, thạch cao; Sản xuất bê tông; Kinh doanh nhà hàng, ăn uống; Đại lý du lịch; Xây dựng...

Công ty có trụ sở chính tại địa điểm: Tổ 4, phường Quang Trung, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2013 là 23 người (tại ngày 01/01/2013 là 17 người).

**Công ty con:**

Công ty TNHH Gạch Đại Hoàng ("Công ty con") là Công ty Trách nhiệm hữu hạn, được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0700.382.548 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp lần đầu ngày 22/11/2010 với tên Công ty là Công ty TNHH Một thành viên Vật liệu Xây dựng Hamico II.

Ngày 04/6/2012, Công ty được đổi tên thành Công ty TNHH Gạch Đại Hoàng theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 2 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp.

Tổng vốn Điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ngày 04/6/2012 là 90.000.000.000 đồng.

**II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN**

**1. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

**2. Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

3. Áp dụng hướng dẫn kế toán mới

Ngày 25/04/2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC ("Thông tư 45") hướng dẫn việc quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định trong doanh nghiệp thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 ("Thông tư 203"). Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10/06/2013 và được áp dụng từ năm tài chính 2013. Theo quy định tại Thông tư 45, nguyên giá tài sản phải có giá trị từ 30.000.000 VND trở lên mới được coi là tài sản cố định, thay vì 10.000.000 VND trở lên như quy định tại Thông tư 203. Trong năm, Công ty đã áp dụng phi hồi tố Thông tư 45. Theo đó, đối với các tài sản cố định Công ty đang theo dõi và quản lý theo Thông tư 203, nay không đủ tiêu chuẩn về nguyên giá tài sản cố định theo quy định tại Thông tư 45, thì giá trị còn lại của các tài sản này được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, thời gian phân bổ không quá 3 năm kể từ ngày 10/06/2013.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: tiền mặt tại quỹ; tiền gửi ngân hàng; các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

2. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán, trong đó:

**Nợ phải thu quá hạn thanh toán:**

Mức trích lập dự phòng

Từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm	30% giá trị
Từ 1 năm đến dưới 2 năm	50% giá trị
Từ 2 năm đến dưới 3 năm	70% giá trị
Từ 3 năm trở lên	100% giá trị

**Nợ phải thu khác:**

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập dựa trên mức tổn thất dự kiến không thu hồi được.

Số tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời...) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

4. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản hữu hình được ghi nhận là tài sản cố định hữu hình nếu thỏa mãn đồng thời các tiêu chuẩn sau: (i) Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó; (ii) Có thời gian sử dụng trên 1 năm trở lên; (iii) Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách tin cậy và có giá trị từ 30.000.000 VND trở lên.

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

**Nguyên giá**

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua dưới hình thức trao đổi với một tài sản cố định hữu hình không tương tự hoặc tài sản khác được xác định theo giá trị hợp lý của tài sản cố định hữu hình nhận về, hoặc giá trị hợp lý của tài sản đem trao đổi, sau khi điều chỉnh các khoản tiền hoặc tương đương tiền trả thêm hoặc thu về. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua dưới hình thức trao đổi với một tài sản cố định hữu hình tương tự, hoặc có thể hình thành do được bán để đổi lấy quyền sở hữu một tài sản tương tự được tính bằng giá trị còn lại của tài sản cố định đem trao đổi.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được tài trợ, được biếu tặng, được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý ban đầu hoặc giá trị danh nghĩa và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

**Khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc, thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Mẫu số B 09 - DN**

**5. Các khoản đầu tư tài chính**

***Đầu tư vào các công ty con***

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

***Đầu tư vào các công ty liên kết***

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

***Đầu tư vào liên doanh***

Phần vốn góp của Công ty trong cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát được hạch toán theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các đơn vị liên doanh sau ngày Công ty tham gia liên doanh được hạch toán vào mục thu nhập của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Phần vốn góp của Công ty trong các hoạt động kinh doanh được đồng kiểm soát được ghi nhận trong báo cáo tài chính bằng cách hạch toán: (i) Tài sản do Công ty kiểm soát và các khoản nợ phải trả mà Công ty phải gánh chịu; (ii) Chi phí phải gánh chịu và doanh thu được chia từ việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.

Phần vốn góp của Công ty trong các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức liên doanh tài sản được đồng kiểm soát được ghi nhận trong các báo cáo tài chính bằng cách hạch toán: (i) Phần vốn góp vào tài sản được đồng kiểm soát, được phân loại theo tính chất của tài sản; (ii) Các khoản nợ phải trả phát sinh riêng của Công ty; (iii) Phần nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác; (iv) Các khoản thu nhập từ việc bán hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ liên doanh cùng với phần chi phí phát sinh được phân chia từ hoạt động của liên doanh; (v) Các khoản chi phí phát sinh liên quan đến việc góp vốn liên doanh.

***Các khoản đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác***

Các khoản đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư.

***Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính***

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn, Công ty trích lập dự phòng nếu tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ, trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Mẫu số B 09 - DN**

**6. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty.

**7. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

**8. Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**9. Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau: (i) Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra; (ii) Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và (iii) Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

**10. Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi, lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

**11. Doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả các điều kiện sau: (i) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; (ii) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; (iii) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; (iv) Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và (v) Chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng có thể xác định được.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Mẫu số B 09 - DN**

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau: (i) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; (ii) Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; (iii) Phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán có thể xác định được; và (iv) Chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó có thể xác định được

*Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia của Công ty được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau: (i) Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và (ii) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

**12. Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế khác*

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(Đơn vị tính: VND)

1. Tiền

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
Tiền mặt	67.331.419	50.030.486
Tiền gửi ngân hàng	1.975.686	1.294.253
<b>Cộng</b>	<b><u>69.307.105</u></b>	<b><u>51.324.739</u></b>

2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
<b>Cho vay ngắn hạn (*)</b>		
Bà Nguyễn Thị Nhung	-	2.862.000.000
Bà Trương Thị Xuyên	554.000.000	-
Ông Lâm Bích Sơn	-	3.125.000.000
Ông Lê Quang Hải	2.010.000.000	4.010.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>2.564.000.000</u></b>	<b><u>9.997.000.000</u></b>

(\*): Đây là các khoản cho cán bộ công nhân viên vay, có thời hạn 1 năm, lãi suất 11%/năm.

3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
Phải thu về lãi cho vay	56.503.333	725.207.250
Tiền chi cổ tức vượt mức cần thu hồi	-	1.571.600.000
<b>Cộng</b>	<b><u>56.503.333</u></b>	<b><u>2.296.807.250</u></b>

4. Hàng tồn kho

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	429.038.458	201.128.271
Thành phẩm	885.066.859	64.813.230
Hàng hóa	1.100.708.320	1.060.592.008
<b>Cộng</b>	<b><u>2.414.813.637</u></b>	<b><u>1.326.533.509</u></b>



**ẤN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Mẫu số B 09 - DN

**Tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tổng cộng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Số dư đầu năm	29.397.015.153	8.489.658.639	2.405.009.734	40.291.683.526
Mua trong năm	1.000.000.000	1.200.000.000	-	2.200.000.000
Tăng do phân loại lại TSCĐ	-	-	2.974.473.001	2.974.473.001
Giảm do phân loại lại TSCĐ	-	(2.974.473.001)	-	(2.974.473.001)
Chuyển sang công cụ, dụng cụ	-	(351.953.648)	-	(351.953.648)
Số dư cuối năm	30.397.015.153	6.363.231.990	5.379.482.735	42.139.729.878
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Số dư đầu năm	1.077.669.515	499.597.326	171.161.685	1.748.428.526
Khấu hao tăng	1.509.850.759	749.472.017	246.398.711	2.505.721.487
Tăng do phân loại lại TSCĐ	-	-	368.086.042	368.086.042
Giảm do phân loại lại TSCĐ	-	(361.283.307)	(6.802.735)	(368.086.042)
Chuyển sang công cụ, dụng cụ	-	(36.847.809)	-	(36.847.809)
Số dư cuối năm	2.587.520.274	850.938.227	778.843.703	4.217.302.204
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày đầu năm	28.319.345.638	7.990.061.313	2.233.848.049	38.543.255.000
Tại ngày cuối năm	27.809.494.879	5.512.293.763	4.600.639.032	37.922.427.674

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

6. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	Cuối năm	Đầu năm
<b>Đầu tư vào công ty con</b>	<b>89.322.517.746</b>	<b>89.322.517.746</b>
Công ty TNHH Gạch Đại Hoàng (1)	89.322.517.746	89.322.517.746
<b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>	<b>2.500.000.000</b>	<b>2.500.000.000</b>
Công ty CP Công nghiệp khoáng sản Việt Đô - Hamico (2)	2.500.000.000	2.500.000.000
<b>Đầu tư góp vốn liên doanh</b>	<b>28.300.000.000</b>	<b>28.300.000.000</b>
Công ty CP Phát triển Việt Đô (3)	14.500.000.000	14.500.000.000
Công ty CP Khoáng sản Phi Kim (4)	13.800.000.000	13.800.000.000
<b>Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>(51.742.709)</b>
<b>Cộng</b>	<b>120.122.517.746</b>	<b>120.070.775.037</b>

(1): Vốn đầu tư của Công ty CP Khoáng sản Luyện kim màu chiếm tỷ lệ 100% vốn điều lệ.

(2): Vốn đầu tư của Công ty CP Khoáng sản Luyện kim màu chiếm tỷ lệ 25% vốn điều lệ.

Công ty CP Công nghiệp Khoáng sản Việt Đô – Hamico có trụ sở tại đồi Bạch Tượng, xã Cổ Tiết, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ, Việt Nam. Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2600851408 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp ngày 05/7/2012 là 10.000.000.000 đồng (Mười tỷ đồng).

(3): Theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 08/VĐ-LKM/HĐKT ngày 28/5/2012 giữa Công ty CP Phát triển Việt Đô với Công ty CP Khoáng sản Luyện kim màu, hai bên thực hiện góp vốn đầu tư xây dựng, quản lý và khai thác, chế biến, kinh doanh tại “Dự án đầu tư xây dựng công trình cải tạo khai thác mỏ đá Granit bán phong hóa”, theo tỷ lệ phân chia lợi nhuận Công ty CP Phát triển Việt Đô là 75%, Công ty CP Khoáng sản Luyện kim màu là 25%, thời hạn hợp đồng là 5 năm kể từ ngày ký.

(4): Theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 18/PK-LKM/HĐKT ngày 30/5/2012 giữa Công ty CP Khoáng sản Phi Kim với Công ty CP Khoáng sản Luyện kim màu, hai bên thực hiện góp vốn đầu tư xây dựng, quản lý và khai thác, chế biến, kinh doanh tại “Dự án khai thác và chế biến đá xây dựng tại Mỏ núi Đồng Trại”, địa bàn xã Tân Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam, theo tỷ lệ phân chia lợi nhuận 50% - 50%, thời hạn hợp đồng là 5 năm kể từ ngày ký.

Tuy nhiên, tính đến thời điểm ngày 31/12/2013, Công ty chưa thực hiện đánh giá kết quả lãi lỗ của khoản đầu tư nêu tại điểm (2), (3), (4) để xác định giá trị cần trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (nếu có).

7. Chi phí trả trước dài hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	264.600.694	40.821.696
<b>Cộng</b>	<b>264.600.694</b>	<b>40.821.696</b>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

8. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Cuối năm	Đầu năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.610.562.086	3.810.113.975
Thuế giá trị gia tăng	84.491.026	-
<b>Cộng</b>	<b>3.695.053.112</b>	<b>3.810.113.975</b>

9. Vốn chủ sở hữu

9.1. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>NĂM TRƯỚC</b>			
Số dư đầu năm	30.000.000.000	3.114.794.704	33.114.794.704
Tăng vốn trong năm	126.880.000.000	-	126.880.000.000
Lãi (lỗ) trong năm	-	8.041.309.745	8.041.309.745
Phân phối lợi nhuận	-	(9.412.800.000)	(9.412.800.000)
Số dư cuối năm	156.880.000.000	1.743.304.449	158.623.304.449
<b>NĂM NAY</b>			
Số dư đầu năm	156.880.000.000	1.743.304.449	158.623.304.449
Lãi (lỗ) trong năm	-	77.595.183	77.595.183
Phân phối lợi nhuận	-	-	-
Số dư cuối năm	156.880.000.000	1.820.899.632	158.700.899.632

9.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm	Đầu năm
Công ty CP Tập đoàn Khoáng sản Hamico	39.580.000.000	39.580.000.000
Cổ đông khác	117.300.000.000	117.300.000.000
<b>Cộng</b>	<b>156.880.000.000</b>	<b>156.880.000.000</b>

9.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp đầu năm	156.880.000.000	30.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	126.880.000.000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	156.880.000.000	156.880.000.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	<b>-</b>	<b>9.412.800.000</b>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

9.4. Cổ phiếu

	<u>Cuối năm</u> <i>Cổ phiếu</i>	<u>Đầu năm</u> <i>Cổ phiếu</i>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.688.000	15.688.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	<b>15.688.000</b>	<b>15.688.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	15.688.000	15.688.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	<b>15.688.000</b>	<b>15.688.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	15.688.000	15.688.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

\* *Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND*

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

(Đơn vị tính: VND)

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán bột đá	1.336.908.144	1.327.092.817
Doanh thu bán sắt thép	3.690.625.000	10.871.967.000
Doanh thu bán hàng khác	168.044.688	23.645.017.999
<b>Cộng</b>	<b><u>5.195.577.832</u></b>	<b><u>35.844.077.816</u></b>

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn bán bột đá	894.281.005	1.439.986.405
Giá vốn bán sắt thép	2.076.331.275	6.116.526.361
Giá vốn bán hàng khác	282.972.150	17.615.882.006
<b>Cộng</b>	<b><u>3.253.584.430</u></b>	<b><u>25.172.394.772</u></b>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	454.228.410	2.277.635.824
<b>Cộng</b>	<b><u>454.228.410</u></b>	<b><u>2.277.635.824</u></b>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(51.742.709)	51.742.709
<b>Cộng</b>	<b><u>(51.742.709)</u></b>	<b><u>51.742.709</u></b>

5. Lợi nhuận khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu nhập khác	-	-
<b>Chi phí khác</b>	<b>1.423.750.356</b>	<b>1.239.865.740</b>
Khấu hao tài sản cố định không sử dụng	1.422.650.356	1.239.865.740
Nộp vi phạm hành chính	1.100.000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>(1.423.750.356)</u></b>	<b><u>(1.239.865.740)</u></b>

6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

6.1. Thuế suất

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng cho Công ty là 25 % lợi nhuận chịu thuế.

6.2. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận trước thuế	578.043.696	11.135.034.907
<b>Điều chỉnh tăng</b>	<b>1.423.750.356</b>	<b>1.239.865.740</b>
Khấu hao tài sản cố định không sử dụng	1.422.650.356	1.239.865.740
Phạt vi phạm hành chính	1.100.000	-
<b>Điều chỉnh giảm</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Lợi nhuận trước thuế trước điều chỉnh lỗ năm trước	2.001.794.052	12.374.900.647
Lỗ năm trước chuyển sang	-	-
Thu nhập chịu thuế ước tính năm hiện hành	2.001.794.052	12.374.900.647
Thuế suất	25%	25%
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b><u>500.448.513</u></b>	<b><u>3.093.725.162</u></b>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	77.595.183	8.041.309.745
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu)	15.688.000	11.770.914
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>4,95</b>	<b>683,15</b>

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Hàng tồn kho đầu năm	1.326.533.509	80.050.000
Hàng tồn kho mua trong năm	2.935.901.204	26.328.056.722
Hàng tồn kho cuối năm	(2.414.813.637)	(1.326.533.509)
Chi phí nhân công	382.529.405	272.504.960
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.505.721.487	1.143.826.852
Chi phí khác	387.633.287	437.030.999
<b>Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố</b>	<b>5.123.505.255</b>	<b>26.934.936.024</b>
<b>Đối chiếu:</b>		
Giá vốn hàng bán	3.253.584.430	25.172.394.772
Chi phí bán hàng	-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	446.170.469	522.675.512
Chi phí khác	1.423.750.356	1.239.865.740
<b>Chi phí sản xuất kinh doanh theo chức năng</b>	<b>5.123.505.255</b>	<b>26.934.936.024</b>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

(Đơn vị tính: VND)

1. Thông tin về các bên liên quan

1.1. Nghiệp vụ với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị (VND)	Giá trị chưa thanh toán
Công ty CP Tập đoàn Khoáng sản Hamico	Cổ đông	Mua bán gạch	831.930.000	30.000.000
Công ty TNHH Gạch Đại Hoàng	Công ty con	Mua bã xít	61.897.000	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

1.2. Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu nhập của thành viên HĐQT và Ban Giám đốc	98.400.000	82.100.000
<b>Cộng</b>	<b><u>98.400.000</u></b>	<b><u>82.100.000</u></b>

2. Các khoản công nợ tiềm tàng

Công ty không phát sinh khoản công nợ tiềm tàng nào đến thời điểm ngày 31/12/2013.

3. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán cần trình bày trên Báo cáo tài chính.

4. Báo cáo bộ phận

Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu.

**ẤN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Mẫu số B 09 - DN

**1. Báo cáo bộ phận chính yếu: theo lĩnh vực kinh doanh**

Chỉ tiêu	Khai thác, chế biến và bán bột đá	Gia công và bán sắt	Hoạt động khác	Tổng bộ phận đã báo cáo	Loại trừ	Tổng cộng toàn Công ty
<b>Kết quả kinh doanh</b>						
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	1.336.908.144	3.690.625.000	168.044.688	5.195.577.832	-	5.195.577.832
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận	-	-	-	-	-	-
Khấu hao và chi phí phân bổ	894.281.005	2.076.331.275	282.972.150	3.253.584.430	-	3.253.584.430
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	442.627.139	1.614.293.725	(114.927.462)	1.941.993.402	-	1.941.993.402
<b>Tài sản</b>						
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ	-	2.200.000.000	-	2.200.000.000	-	2.200.000.000
Tài sản bộ phận	42.853.855.618	116.100.955.531	5.386.580.095	164.341.391.244	-	164.341.391.244
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	-
Tổng tài sản	42.853.855.618	118.300.955.531	5.386.580.095	166.541.391.244	-	166.541.391.244
<b>Tổng nợ phải trả</b>						
Nợ phải trả bộ phận	2.155.039.425	5.003.545.565	681.906.622	7.840.491.612	-	7.840.491.612
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả	2.155.039.425	5.003.545.565	681.906.622	7.840.491.612	-	7.840.491.612

**2. Báo cáo bộ phận thứ yếu: theo khu vực địa lý**

Chỉ tiêu	Hà Nam	Tổng cộng toàn Công ty
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	5.195.577.832	5.195.577.832
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ	2.200.000.000	2.200.000.000
Tài sản bộ phận	164.341.391.244	164.341.391.244



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Mẫu số B 09 - DN**

**5. Công cụ tài chính**

Ngày 06/11/2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và Thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), có hiệu lực đối với các Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi. Tuy nhiên, Thông tư 210 không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực kế toán quốc tế và Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế. Các khoản mục tài sản và nợ của Công ty vẫn được ghi nhận và hạch toán theo các quy định hiện hành của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Hệ thống kế toán Việt Nam.

**5.1. Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	Cuối năm	Đầu năm
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	69.307.105	51.324.739
Phải thu khách hàng và phải thu khác	3.183.724.388	7.472.505.028
Đầu tư ngắn hạn	2.564.000.000	9.997.000.000
Đầu tư dài hạn	120.122.517.746	120.070.775.037
Tài sản tài chính khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>125.939.549.239</b>	<b>137.591.604.804</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Các khoản vay	-	-
Phải trả người bán và phải trả khác	4.081.288.000	14.639.498.077
Chi phí phải trả	-	-
<b>Cộng</b>	<b>4.081.288.000</b>	<b>14.639.498.077</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

**5.2. Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục, vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông/chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông/chủ sở hữu của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**5.3. Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá cổ phiếu), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro tài chính do thiếu thị trường mua bán các công cụ tài chính này.

*Quản lý rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

*Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu*

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tình không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư vào cổ phiếu và các phân tích dự báo thị trường.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Mẫu số B 09 - DN

*Quản lý rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

*Quản lý rủi ro thanh khoản*

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa nợ phải trả đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì mức dự phòng tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, các khoản vay, nguồn vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn cho nợ phải trả tài chính phi phái sinh và tài sản tài chính phi phái sinh trên cơ sở không chiết khấu tại thời điểm lập báo cáo:

Khoản mục	Dưới 1 năm	Từ 1 năm - 5 năm	Tổng
<b>NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH</b>			
<b>Số dư cuối năm</b>			
Các khoản vay	-	-	-
Phải trả người bán và phải trả khác	4.081.288.000	-	4.081.288.000
Chi phí phải trả	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>4.081.288.000</b>	<b>-</b>	<b>4.081.288.000</b>
<b>Số dư đầu năm</b>			
Các khoản vay	-	-	-
Phải trả người bán và phải trả khác	14.639.498.077	-	14.639.498.077
Chi phí phải trả	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>14.639.498.077</b>	<b>-</b>	<b>14.639.498.077</b>
<b>TÀI SẢN TÀI CHÍNH</b>			
<b>Số dư cuối năm</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	69.307.105	-	69.307.105
Phải thu khách hàng và phải thu khác	3.183.724.388	-	3.183.724.388
Đầu tư ngắn hạn	2.564.000.000	-	2.564.000.000
Đầu tư dài hạn	-	120.122.517.746	120.122.517.746
Tài sản tài chính khác	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>5.817.031.493</b>	<b>120.122.517.746</b>	<b>125.939.549.239</b>
<b>Số dư đầu năm</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	51.324.739	-	51.324.739
Phải thu khách hàng và phải thu khác	7.472.505.028	-	7.472.505.028
Đầu tư ngắn hạn	9.997.000.000	-	9.997.000.000
Đầu tư dài hạn	-	120.070.775.037	120.070.775.037
Tài sản tài chính khác	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>17.520.829.767</b>	<b>120.070.775.037</b>	<b>137.591.604.804</b>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

6. Số liệu so sánh

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học TP Hồ Chí Minh.

Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này như sau:

Mã số	Bảng cân đối kế toán	Tại ngày 01/01/2013	
		Trước khi phân loại lại	Sau khi phân loại lại
252	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh (*)	2.500.000.000	30.800.000.000
258	Đầu tư dài hạn khác	28.300.000.000	-

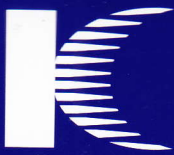
(\*): Đây là các khoản đầu tư dài hạn theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát, do vậy cần được theo dõi trên chỉ tiêu số 252.



Hoàng Văn Chung  
Tổng Giám đốc

Tạ Mỹ Dung  
Kế toán trưởng

Ngày 28 tháng 03 năm 2014



## ABOUT KRESTON INTERNATIONAL

Kreston International Limited was founded in 1971 to offer clients reliable and convenient access to quality services through member firms located around the globe. It is one of the largest accounting networks in the world with more than 700 world-wide offices.

Kreston International is organised as a United Kingdom company limited by guarantee. It is a network of independent member firms who share the costs of maintaining and operating the organisation. Members are partnerships or incorporated companies practicing in their own right, nothing in the Constitution of the network, this directory or elsewhere shall constitute or imply a partnership between the members

[www.kreston.com](http://www.kreston.com)



### **CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN KRESTON ACA VIỆT NAM KRESTON ACA VIETNAM AUDITING COMPANY LIMITED**

Member of **Kreston International**

A worldwide network of independent accountants

#### **Văn phòng Hà Nội / Hanoi office:**

P. 1401, Tòa nhà 17T5, Trung Hoà - Nhân Chính, Hà Nội  
Suite 1401, 17T5 Building, Trung Hoa - Nhan Chinh, Hanoi  
Tel: (84 4) 62 811 488 Fax: (84 4) 62 811 499  
Email: [contact@krestonaca.vn](mailto:contact@krestonaca.vn) Website: [www.krestonaca.vn](http://www.krestonaca.vn)

*Văn phòng có tại Hải Phòng, Vinh và TP. Hồ Chí Minh  
Offices are also in Hai Phong, Vinh and Ho Chi Minh City*

#### **Kreston ACA - Head office:**

21<sup>th</sup> Floor, Capital Tower Building  
109 Tran Hung Dao Street  
Hoan Kiem District, Hanoi  
VIETNAM

#### **Kreston International - Head office:**

Springfield Lyons Business Center  
Springfield Lyons Approach  
Chelmsford, Essex CM2 5LB  
ENGLAND

